

I. Kịch:

1/Khái lược về kịch:

- Kịch là một loại hình nghệ thuật tổng hợp. Kịch thường được viết ra để diễn (trong sân khấu và điện ảnh).
- Kịch lựa chọn những xung đột trong đời sống làm đối tượng mô tả. Trong xung đột kịch, những vấn đề thuộc bản chất của hiện thực được dồn nén, quy tụ, nổi bật.
- Xung đột kịch được cụ thể hóa bằng hành động kịch, đó là sự tổ chức cốt truyện với các tình tiết, sự kiện, biến cố theo một diễn biến logic, chắc chắn, nhất quán. Các hành động kịch được thực hiện bởi các nhân vật kịch, chính trong quá trình đó nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình.
- Ngôn ngữ kịch có ba loại: đối thoại (các nhân vật nói với nhau); độc thoại (lời nhân vật tự bộc lộ tâm tư, tình cảm); bàng thoại (lời nhân vật nói riêng với người xem). Ngôn ngữ kịch mang tính hành động và tính khẩu ngữ cao.
- Xét theo nội dung, ý nghĩa, ta phân ra làm ba loại kịch: bi kịch, hài kịch và chính kịch
 - +Bi kịch: phản ánh xung đột giữa những nhân vật cao thượng, sự thảm bại hay cái chết của những nhân vật ấy gợi lên nỗi xót xa, thương cảm (“Rô-mê-ô và Giu-li-ét” của Sếch-xpia)
 - +Hài kịch: khai thác những tình huống khôi hài làm bật lên tiếng cười chế giễu, mỉa mai (“Lão hà tiện” của Mô-li-e)
 - + Chính kịch: phản ánh mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày với bi hài, vui buồn lẫn lộn (“Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ)
- Xét theo hình thức ngôn ngữ trình diễn ta có: kịch thơ (lời thoại bằng thơ); kịch nói (lời thoại bằng ngôn ngữ đời thường); ca kịch (lời thoại bằng hát như tuồng, chèo, cải lương)

2/Yêu cầu về đọc kịch bản văn học:

- Đọc kĩ lời giới thiệu, tiểu dẫn để có thể hiểu biết chung về tác giả, tác phẩm
- Tập trung chú ý vào lời thoại của các nhân vật. Đó là những lời tranh luận, biện bác làm thay đổi tình thế, khắc sâu mâu thuẫn, thúc đẩy sự tiến triển của xung đột.
- Phân tích hành động kịch. Xác định rõ đâu là xung đột chủ yếu, đâu là xung đột thứ yếu, phân tích diễn biến và kết quả của từng xung đột đó
- Qua diễn biến căng thẳng của xung đột, cần nêu rõ chủ đề tư tưởng, ý nghĩa xã hội của tác phẩm.

II. Nghị luận:

1/Khái lược về văn nghị luận:

- Nghị luận là một thể loại văn học đặc biệt, dùng lí lẽ, phán đoán, chứng cứ để bàn luận một vấn đề nào đó(chính trị, xã hội, văn học nghệ thuật...)
- Sức mạnh của văn nghị luận là ở sự sâu sắc của tư tưởng, tình cảm, tính mạch lạc, chắc chắn của suy nghĩ, sự thuyết phục của lập luận.
- Vận dụng các thao tác như: giải thích, chứng minh, bác bỏ, so sánh,... văn nghị luận tác động vào lí trí, nhận thức và cả tâm hồn người đọc, giúp họ hiểu rõ vấn đề nêu ra

- Văn nghị luận ngoài yếu tố trình bày, diễn giải, ít hoặc nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp còn có yếu tố tranh luận. Do đó, ngôn ngữ nghị luận cũng giàu hình ảnh và sắc thái biểu cảm, từ ngữ dùng chính xác

-Xét theo nội dung luận bàn, ta phân văn nghị luận làm hai thể: văn chính luận(luận bàn các vấn đề chính trị, xã hội, triết học, đạo đức); văn phê bình văn học(luận bàn về các vấn đề văn học nghệ thuật)

- Văn nghị luận thời trung đại có các bài chiếu, cáo, hịch... Văn nghị luận hiện đại gồm các bài tuyên ngôn, lời kêu gọi, bài bình luận...

2/ Yêu cầu về đọc văn nghị luận:

- Tìm hiểu thân thế tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm nghị luận. Từ đó nhận xét: Vấn đề nêu trong tác phẩm xuất xứ từ nhu cầu nào của thực tế, có tầm quan trọng như thế nào với cuộc sống, với lĩnh vực luận bàn?

- Nắm bắt mạch suy nghĩ, sự vận động của tư tưởng theo tiến trình diễn giải, trình bày vấn đề. Chú ý tóm lược các luận điểm và xác định mối quan hệ giữa chúng với nhau

- Cảm nhận tâm tư, tình cảm như mạch chìm trong dòng chảy của tác phẩm nghị luận

- Phân tích nghệ thuật lập luận, cách nêu chứng cứ, sử dụng ngôn ngữ, tác dụng của các biện pháp đó với từng vấn đề được trình bày trong nội dung tác phẩm

- Nêu khái quát giá trị của tác phẩm nghị luận về cả hai phương diện: nghệ thuật biểu hiện và nội dung tư tưởng

** Ghi nhớ: (SGK trang 111)*

Học sinh ôn tập những nội dung cơ bản sau:

I. Độc văn: nắm được nội dung chính của các tác phẩm văn học giai đoạn 1930- 1945:

1/ Truyện ngắn:

* “*Hai đứa trẻ*” của Thạch Lam

- Nội dung: Qua bức tranh thiên nhiên và con người nơi phố huyện, ta thấy được tấm lòng của nhà văn đối với người dân nghèo trước năm 1945
- Nghệ thuật: truyện hầu như không có cốt truyện mà chỉ tập trung tả cảnh, có sự hòa nguyên giữa hai yếu tố hiện thực và trữ tình lãng mạn

* “*Chữ người tử tù*” của Nguyễn Tuân

- Nội dung: Vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huân Cao, qua đó hiểu được quan điểm thẩm mĩ của nhà văn
- Nghệ thuật: Tạo dựng tình huống độc đáo, nghệ thuật dựng cảnh, khắc họa tính cách nhân vật...

* “*Chí Phèo*” của Nam Cao

- Nội dung: Hình tượng người nông dân bị tha hóa trước Cách mạng tháng Tám. Qua đó tác giả lên án xã hội cũ tàn bạo và khẳng định bản chất lương thiện của người lao động...
- Nghệ thuật: xây dựng thành công nhân vật điển hình, nghệ thuật trần thuật linh hoạt, ngôn ngữ đặc sắc...

2. Thơ 1930- 1945:

* “*Vội vàng*” của Xuân Diệu

- Nội dung: Bài thơ là lời giục giã hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, hãy quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời...
- Nghệ thuật: giọng điệu say mê, sánh tạo độc đáo về ngôn từ và hình ảnh thơ...

* “*Tràng giang*” của Huy Cận

- Nội dung: Bài thơ bộc lộ nỗi sầu của một “cái tôi” cô đơn trước thiên nhiên rộng lớn, trong đó thấm đượm tình người, tình đời...
- Nghệ thuật: bài thơ mang vẻ đẹp cổ điển mà hiện đại

* “*Đầy thôn Vĩ Dạ*” của Hàn Mặc Tử

- Nội dung: Bài thơ là một bức tranh đẹp về một miền quê của đất nước, là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người
- Nghệ thuật: bút pháp gợi tả, ngôn ngữ tinh tế, giàu liên tưởng...

II. Tiếng Việt:

- Thực hành lựa chọn các bộ phận trong câu
- Đặc điểm loại hình tiếng Việt
- Phong cách ngôn ngữ chính luận

III. Làm văn: HS ôn tập các thao tác lập luận sau đây:

- Thao tác lập luận phân tích
- Thao tác lập luận so sánh
- Thao tác lập luận bình luận
- Thao tác lập luận bác bỏ